

Số: /STP-HCTP&BTTP

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

V/v hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Qua nắm bắt tình hình của các địa phương trong quá trình thực hiện công tác đăng ký hộ tịch, nhất là đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài được chuyển giao từ cấp huyện cho cấp xã khi thực hiện chính quyền 02 cấp vẫn còn gặp nhiều lúng túng, khó khăn.

Để công tác đăng ký hộ tịch được thuận lợi, tránh sai sót, Sở Tư pháp hướng dẫn một số nội dung sau:

1. Về cách ghi họ, chữ đệm, tên của công dân nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài, công dân vừa có quốc tịch Việt Nam vừa có quốc tịch nước ngoài khi đăng ký hộ tịch tại Việt Nam

Khi làm thủ tục đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền Việt Nam, giấy tờ trong hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp (hộ chiếu, giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân...) thông tin về họ, chữ đệm, tên được ghi theo quy định của pháp luật nước ngoài. Vì vậy, nếu những giấy tờ này được cấp hợp pháp, được dịch và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định thì hồ sơ được chấp nhận. Tuy nhiên, đối với Tờ khai, Văn bản thỏa thuận chọn quốc tịch, Giấy cam đoan, Giấy chứng nhận kết hôn, Trích lục khai tử, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con, Giấy khai sinh... và các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp thì thông tin về họ, chữ đệm, tên được ghi theo quy định của pháp luật Việt Nam (họ trước, rồi đến chữ đệm, rồi đến tên).

Đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài thì ghi họ, chữ đệm, tên theo hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Đối với công dân nước ngoài thì ghi họ, chữ đệm, tên theo hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, tuy nhiên cần phải ghi đúng thứ tự họ trước, rồi đến chữ đệm, rồi đến tên theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đối với công dân vừa có quốc tịch Việt Nam vừa có quốc tịch nước ngoài, tùy thuộc vào việc công dân sử dụng hộ chiếu Việt Nam hay hộ chiếu nước ngoài để đăng ký hộ tịch thì họ, chữ đệm, tên sẽ được ghi theo hộ chiếu đó, nhưng phải đảm bảo ghi theo thứ tự họ trước, rồi đến chữ đệm, rồi đến tên theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đối với những trường hợp không có hộ chiếu thì ghi theo giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu, tuy nhiên cần phải ghi đúng thứ tự họ trước, rồi đến chữ đệm, rồi đến tên theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Về đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài

Thực hiện theo quy định, trình tự thủ tục tại Điều 35, 36 Luật Hộ tịch năm 2014; Điều 29 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Trong đó, cần lưu ý:

- Việc chọn, đặt tên cho trẻ phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hộ tịch và pháp luật về dân sự để tránh việc phải thu hồi, hủy bỏ. Do đó, khi đăng ký khai sinh cho trẻ em là con của công dân Việt Nam với công dân nước ngoài mà cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con thì cơ quan đăng ký hộ tịch hướng dẫn cha mẹ đặt tên cho con là tên Việt Nam hoặc ghép giữa họ, tên Việt Nam và nước ngoài, họ của con có thể chọn theo họ của cha hoặc mẹ nhưng tên thì phải là tên Việt Nam (ví dụ: Nguyễn John Thành; Antonio Giang).

Trường hợp cha hoặc mẹ vừa có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch nước ngoài thì tùy thuộc vào việc cha hoặc mẹ sử dụng quốc tịch của mình là quốc tịch Việt Nam hay quốc tịch nước ngoài (căn cứ vào việc sử dụng hộ chiếu Việt Nam hay hộ chiếu nước ngoài) khi đăng ký khai sinh cho con thì họ, chữ đệm, tên của con được ghi như sau:

+ Trường hợp cha hoặc mẹ sử dụng hộ chiếu Việt Nam khi đăng ký khai sinh cho con (cả cha và mẹ đều là công dân Việt Nam) thì họ, chữ đệm, tên của con ghi theo họ, chữ đệm, tên Việt Nam.

+ Trường hợp cha hoặc mẹ sử dụng hộ chiếu nước ngoài khi đăng ký khai sinh cho con, nếu cha mẹ chọn quốc tịch Việt Nam cho con thì tên của con là tên Việt Nam hoặc ghép giữa họ, tên Việt Nam và nước ngoài, họ của con có thể chọn theo họ của cha hoặc mẹ nhưng tên thì phải là tên Việt Nam.

- Trường hợp cha, mẹ chọn quốc tịch nước ngoài cho con thì không bắt buộc phải lấy tên Việt Nam, không thực hiện gửi lấy số ĐDCN và không thực hiện được đăng ký khai sinh theo hình thức liên thông mà thực hiện đăng ký khai sinh theo hình thức riêng lẻ.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2020/TT-BTP thì: Trường hợp cha, mẹ *lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho con* khi đăng ký khai sinh, thì ngoài văn bản thỏa thuận lựa chọn quốc tịch *còn phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước mà trẻ được chọn mang quốc tịch về việc trẻ có quốc tịch phù hợp quy định pháp luật của nước đó*. Nếu cơ quan có thẩm quyền nước ngoài không xác nhận thì cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ, nhưng để trống phần ghi về quốc tịch trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh. Do đó, khi công chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cần lưu ý, nếu cha, mẹ lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho con khi đăng ký khai sinh mà chưa có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì từ chối tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu công dân bổ sung; trường hợp cơ quan có thẩm quyền nước ngoài không xác nhận và để tránh trường hợp trẻ không có quốc tịch thì hướng dẫn cha mẹ có thể chọn quốc tịch Việt Nam cho con, nếu cha mẹ vẫn chọn quốc tịch nước ngoài cho con nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì vẫn giải quyết nhưng để trống phần ghi về quốc tịch của trẻ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh theo quy định.

3. Về đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài

Thực hiện theo quy định, trình tự thủ tục tại Điều 37, 38 Luật Hộ tịch năm 2014; Điều 30, 31, 32, 33 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; khoản 3 Điều 5 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP; Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Trong đó, cần lưu ý:

- Liên quan đến việc kết hôn giữa công dân Việt Nam và công dân Trung Quốc (Đài Loan):

Trường hợp công dân Việt Nam chưa được Cục Di dân Trung Quốc (Đài Loan) cấp Thẻ cư trú vĩnh viễn thì việc đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam và người Trung Quốc (Đài Loan) phải được tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, sau đó đưa Giấy chứng nhận kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đến Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh để xin phỏng vấn và xin xác nhận vào Giấy chứng nhận kết hôn, sau khi kết quả phỏng vấn đạt yêu cầu, một hoặc hai bên đương sự trực tiếp đưa Giấy chứng nhận kết hôn kèm theo bản dịch đã được xác nhận/công chứng đến Cơ quan hộ tịch tại Trung Quốc (Đài Loan) để đăng ký kết hôn thì cuộc hôn nhân đó mới có hiệu lực.

Trường hợp công dân Việt Nam đã đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nhưng chưa hoàn thành việc đăng ký kết hôn tại Đài Loan, thì các giấy tờ có liên quan do cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan cấp cho công dân Trung Quốc (Đài Loan) sẽ không thể hiện thông tin “đã kết hôn”. Do đó, đối với những quan hệ hôn nhân đã phát sinh hiệu lực tại Việt Nam, mà sau đó đương sự lại muốn kết hôn với người khác thì phải thực hiện thủ tục ly hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Vì vậy, sau khi giải quyết hồ sơ kết hôn giữa công dân Việt Nam và công dân Trung Quốc (Đài Loan), UBND cấp xã cần hướng dẫn cho công dân liên hệ với Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam để thực hiện các bước tiếp theo nhằm bảo đảm quyền lợi và tính pháp lý cho công dân.

- Về giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Lào:

Theo Công hàm số 894/ĐSQL.HN ngày 15/5/2018 của Đại sứ quán Lào tại Việt Nam gửi Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (nay là Cục Hành chính tư pháp)-Bộ Tư pháp thông báo về quy định cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Lào thì: *Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Lào do bản cấp nhưng phải được dịch thuật và xác nhận thông qua Bộ Tư pháp, ngoài xác nhận thông qua Bộ Tư pháp thì công dân Lào cũng phải được Cục Lãnh sự-Bộ Ngoại giao Lào cấp giấy xác nhận thông tin về gia đình và cá nhân của người đề nghị kết hôn.* Do đó, khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với công dân Lào, đơn vị tiếp nhận hồ sơ cần hướng dẫn công dân nộp đầy đủ các giấy tờ theo thông báo của Đại sứ quán Lào tại Việt Nam thì mới tiếp nhận.

- Về xác định đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài đối với công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài:

Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài (kể cả công dân Việt Nam đang công tác, học tập, lao động có thời hạn ở nước ngoài), đã được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp giấy tờ cho phép cư trú (bao gồm cả giấy tờ cho phép định cư và cho phép cư trú có thời hạn) và giấy tờ cho phép cư trú vẫn còn thời hạn, về nước để làm thủ tục đăng ký kết hôn với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thì được xác định là đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.

4. Về cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 07/2025/NĐ-CP về giá trị sử dụng của Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân quy định: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được sử dụng để kết hôn tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài hoặc sử dụng vào mục đích khác. Do đó, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND cấp xã cấp cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước không có giá trị sử dụng để kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước. Vì vậy, trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở trong nước có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước thì UBND cấp xã không thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và giải thích cho công dân được biết. Trường hợp công dân có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào các mục đích khác (làm thủ tục vay vốn, chuyển nhượng tài sản...), không phải để đăng ký kết hôn ở trong nước hoặc không phải để kết hôn với người cùng giới tính hoặc không phải để kết hôn với người nước ngoài tại Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam thì vẫn thực hiện thủ tục cấp theo quy định.

5. Về đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài

Thực hiện theo quy định, trình tự thủ tục tại Điều 51, 52 Luật Hộ tịch năm 2014; khoản 2 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Trong đó, cần lưu ý:

Sau khi đăng ký khai tử, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục hộ tịch cho Bộ Ngoại giao Việt Nam để thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước mà người chết là người nước ngoài (bao gồm công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài vừa có quốc tịch nước ngoài).

6. Về đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

Thực hiện theo quy định, trình tự thủ tục tại Điều 43, 44 Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP; Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Trong đó, cần lưu ý:

Công chức tư pháp - hộ tịch xác minh, niêm yết việc nhận cha, mẹ, con tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian *05 ngày làm việc*, đồng thời gửi văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người được nhận là cha, mẹ, con niêm yết trong thời gian *05 ngày làm việc* (nếu lựa chọn đăng ký nơi tạm trú) theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP.

7. Về kết hợp giải quyết việc đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con (bao gồm có yếu tố nước ngoài)

Theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 04/2020/TT-BTP thì kết hợp giải quyết đồng thời hai thủ tục là nhận cha mẹ con và đăng ký khai sinh. Tuy nhiên, khi giải quyết hồ sơ cần phải lưu ý quy trình làm như sau: Thực hiện việc đăng ký nhận cha, mẹ, con trước rồi mới thực hiện việc đăng ký khai sinh sau, không thực hiện việc đăng ký khai sinh trước rồi mới đăng ký nhận cha, mẹ, con sau, bởi vì khi đã được công nhận cha, mẹ, con thì mới có căn cứ để ghi tên cha, mẹ vào giấy khai sinh của con, không thể ghi tên cha, mẹ vào giấy khai sinh của con khi chưa được công nhận.

8. Về ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tại nước ngoài

Thực hiện theo quy định, trình tự thủ tục tại Điều 48, 49, 50 Luật Hộ tịch năm 2014; Điều 34, 35, 36, 37, 38, 39 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; khoản 3 Điều 5 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP; Thông tư số 04/2020/TT-BTP; Thông tư số 08/2025/TT-BTP.

9. Về ký vào sổ hộ tịch khi nhận kết quả đăng ký hộ tịch

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP thì: Người yêu cầu đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký nhận cha, mẹ, con, đăng ký giám hộ, đăng ký thay đổi, chấm dứt giám hộ, đăng ký giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ, đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc **không phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để ký vào Sổ hộ tịch**. Do đó, đối với loại việc này thì không yêu cầu công dân phải có mặt để ký vào sổ hộ tịch khi nhận kết quả.

Riêng trường hợp đăng ký kết hôn thì hai bên đương sự phải có mặt để ký vào Sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn khi nhận kết quả.

10. Về hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam

Theo quy định tại Điều 10 Luật Hộ tịch, khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP thì:

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài sử dụng để đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới với Việt Nam (sau đây gọi là nước láng giềng) lập, cấp, xác nhận sử dụng để đăng ký hộ tịch theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 7 của Luật Hộ tịch được miễn hợp pháp hóa lãnh sự; dịch ra tiếng Việt và có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung.

Do đó, các đơn vị đăng nhập vào Cổng thông tin điện tử về công tác lãnh sự của Bộ Ngoại giao Việt Nam theo địa chỉ: <https://lanhsuvietsnam.gov.vn> → giới thiệu → hệ thống văn bản pháp quy → điều ước quốc tế song phương → danh sách các nước và loại giấy tờ được miễn hợp pháp hóa khi sử dụng tại Việt Nam để tải hoặc in Danh sách các nước và loại giấy tờ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự khi sử dụng tại Việt Nam nhằm tra cứu, sử dụng khi giải quyết hồ sơ đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

11. Về mẫu Tờ khai đăng ký hộ tịch và biểu mẫu hộ tịch

- Về mẫu Tờ khai đăng ký hộ tịch: Sử dụng mẫu Tờ khai được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.

- Về biểu mẫu hộ tịch: Sử dụng biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.

12. Về ghi chức vụ của người ký trong các loại giấy tờ hộ tịch

Dưới dòng người ký giấy khai sinh/khai tử/kết hôn...cần ghi rõ chức vụ người ký là CHỦ TỊCH hoặc KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

13. Về ghi mục nơi sinh khi đăng ký khai sinh cho trẻ em

- Trường hợp trẻ em sinh tại bệnh viện, nhà hộ sinh, trạm y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (sau đây gọi chung là cơ sở y tế) thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó. Ví dụ: Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba Đồng Hới, đường Hữu Nghị, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị; Trạm y tế phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

- Trường hợp trẻ em sinh ngoài cơ sở y tế, bao gồm trường hợp sinh tại nhà, sinh trên phương tiện giao thông, trên đường, trong trại tạm giam, trại giam hoặc tại địa điểm khác thì ghi địa danh hành chính thực tế, nơi trẻ em sinh ra (ghi đủ 2 cấp đơn vị hành chính). Ví dụ: Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

14. Về ghi mục Nơi cư trú khi đăng ký hộ tịch

- Trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú, thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

- Trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài thì ghi theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài.

15. Về cấp bản sao trích lục hộ tịch không phụ thuộc nơi đã đăng ký hộ tịch và nơi cư trú

- Các bước thao tác tra cứu để cấp bản sao trích lục hộ tịch:

Bước 1: Truy cập vào Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch tại địa chỉ: <https://hotichdientu.moj.gov.vn>.

Bước 2: Đăng nhập tài khoản → Chọn “Cấp bản sao trích lục hộ tịch” → “Vào sổ cấp bản sao trích lục hộ tịch”.

Bước 3: Điền tra cứu thông tin dữ liệu hộ tịch, vào thẳng “Thông tin yêu cầu cấp bản sao trích lục” → chọn “Loại trích lục*” → “Chọn” → Hiện lên cửa sổ “Thông tin tìm kiếm” → tích chọn vào “Tra cứu hồ sơ đơn vị mình” hoặc “Tích chọn để tra cứu toàn quốc” để tra cứu thông tin.

Trường hợp “Tích chọn để tra cứu toàn quốc” thì thực hiện chọn “Cơ quan quản lý dữ liệu trực tiếp” để tra cứu thông tin.

- Việc khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để cấp bản sao trích lục không phụ thuộc vào nơi đã đăng ký hộ tịch và nơi cư trú chỉ thực hiện đối với trường hợp đã đăng ký trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Trường hợp tra cứu không có thông tin trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch không cung cấp đầy đủ hoặc cung cấp các thông tin không chính xác, không thể tra cứu được thông tin theo quy định tại khoản 1,

khoản 2 Điều 7 Thông tư số 01/2022/TT-BTP thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết và hướng dẫn người yêu cầu về nơi đăng ký trước đây để yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch.

- Để việc khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử khi thực hiện thủ tục cấp bản sao trích lục và các thủ tục hộ tịch khác được thuận lợi, các đơn vị cần chuyển đầy đủ dữ liệu đã được số hóa vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

16. Về tra cứu dữ liệu trước đây thuộc thẩm quyền đăng ký của UBND cấp huyện trên phần mềm hộ tịch

Dữ liệu trước đây thuộc thẩm quyền đăng ký của UBND cấp huyện đã được Bộ Tư pháp chuyển cho UBND cấp xã nơi đóng trụ sở UBND cấp huyện (ví dụ: dữ liệu của UBND thành phố Đông Hà được chuyển cho UBND phường Đông Hà, của UBND huyện Vĩnh Linh được chuyển cho xã Vĩnh Linh...). Do đó, khi cần tra cứu dữ liệu do UBND cấp huyện đăng ký trước đây thì UBND cấp xã trên địa bàn huyện trước đây nhưng không phải đơn vị được nhận dữ liệu có thể đề nghị UBND cấp xã đã được nhận dữ liệu tra cứu, cung cấp thông tin (có danh sách các đơn vị cấp xã đã được nhận dữ liệu gửi kèm).

17. Về sử dụng tài khoản phần mềm hộ tịch, cần lưu ý

- Không lưu mặc định mật khẩu tài khoản hộ tịch đã được cấp trên máy vi tính để tránh trường hợp khi máy tính bị hư hỏng, gặp sự cố sẽ bị mất mật khẩu hoặc không nhớ mật khẩu để đăng nhập và tránh việc tài khoản, dữ liệu bị xâm nhập trái phép. Người được cấp tài khoản có trách nhiệm bảo mật thông tin đối với tài khoản được cấp và phải chịu trách nhiệm nếu để lộ, lọt thông tin.

- Trường hợp có yêu cầu cấp tài khoản mới, chuyển công tác, thay đổi vị trí công tác hoặc nghỉ công tác thì UBND cấp xã có Công văn gửi Sở Tư pháp đề nghị cấp mới tài khoản hoặc khóa, xóa tài khoản hộ tịch đã được cấp.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung trong công tác đăng ký hộ tịch, đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu chỉ đạo công chức Tư pháp-Hộ tịch nghiên cứu, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tư pháp (qua Phòng Hành chính tư pháp và Bộ trợ tư pháp) để được hướng dẫn, tháo gỡ hoặc đề Sở Tư pháp có đề xuất, kiến nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn giải quyết.

(Gửi kèm theo Công văn này là một số văn bản hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực-Bộ Tư pháp).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, HCTP&BTTP.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Hữu Dân